

**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức  
Vietranstimex**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 39

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ("BGTVT") ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã VTX theo Quyết định số 189/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 11 tháng 4 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B, Đường Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Doãn Kiên	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2024
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Quang Liên	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2024

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Đăng Trường	Thành viên	
Bà Đinh Thị Phương Vy	Thành viên	

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2024
Ông Bùi Quang Liên	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2024
Ông Dương Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Đặng Vũ Thành	bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2024
Ông Bùi Quang Liên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2024

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 12819110-67739380-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.


Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
\_\_\_\_\_  
Maria Cristina M. Calimbas  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 1073-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

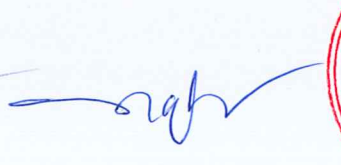
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>116.506.320.638</b>	<b>128.329.644.741</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>9.772.030.006</b>	<b>11.949.613.048</b>
111	1. Tiền		1.772.030.006	3.949.613.048
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	8.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>49.405.568.301</b>	<b>66.402.704.943</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	78.612.549.203	93.084.830.096
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.563.255.561	2.913.954.898
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	12.627.033.758	14.552.131.771
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 7	(46.397.270.221)	(44.148.211.822)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>52.686.789.145</b>	<b>46.896.927.828</b>
141	1. Hàng tồn kho		52.686.789.145	46.896.927.828
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.641.933.186</b>	<b>3.080.398.922</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.773.076.695	3.080.398.922
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	1.868.856.491	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>164.891.136.720</b>	<b>178.226.029.525</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>3.522.111.718</b>	<b>2.552.311.718</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.522.111.718	2.552.311.718
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>131.002.562.474</b>	<b>153.138.431.806</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	51.564.277.919	87.209.335.758
222	Nguyên giá		486.091.252.705	520.490.452.705
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(434.526.974.786)	(433.281.116.947)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	78.165.302.398	64.450.108.259
225	Nguyên giá		94.544.645.726	77.859.191.181
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.379.343.328)	(13.409.082.922)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	1.272.982.157	1.478.987.789
228	Nguyên giá		3.766.607.975	3.766.607.975
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.493.625.818)	(2.287.620.186)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>8.436.558.272</b>	<b>7.126.300.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		8.436.558.272	7.126.300.000
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>816.000.000</b>	<b>816.000.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	13	816.000.000	816.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>21.113.904.256</b>	<b>14.592.986.001</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	21.113.904.256	14.592.986.001
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>281.397.457.358</b>	<b>306.555.674.266</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>130.468.859.572</b>	<b>116.876.266.986</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>106.859.343.787</b>	<b>99.988.205.937</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	27.454.749.713	31.675.639.912
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	10.958.573.662	1.486.302.864
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.014.110.042	27.298.646.833
314	4. Phải trả người lao động		2.236.688.987	4.442.135.334
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.966.723.183	5.644.059.618
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		363.636.362	218.181.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	4.159.569.890	2.666.754.783
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	55.386.526.543	26.211.519.370
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		318.765.405	344.965.405
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>23.609.515.785</b>	<b>16.888.061.049</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	400.000.000	400.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	23.209.515.785	16.488.061.049
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>150.928.597.786</b>	<b>189.679.407.280</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>150.928.597.786</b>	<b>189.679.407.280</b>
411	1. Vốn cổ phần		209.723.210.000	209.723.210.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		209.723.210.000	209.723.210.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.257.068.213	15.257.068.213
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.352.597.635	5.352.597.635
421	4. Lỗi lũy kế		(79.404.278.062)	(40.653.468.568)
421a	- (Lỗi lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(40.653.468.568)	37.394.250.023
421b	- Lỗi kỳ này		(38.750.809.494)	(78.047.718.591)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>281.397.457.358</b>	<b>306.555.674.266</b>

  
Phạm Thanh Huyền  
Người lập

  
Nguyễn Bửu Thanh Loan  
Kế toán trưởng



  
Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

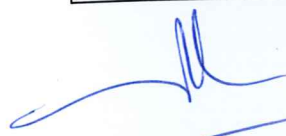
Ngày 14 tháng 8 năm 2024

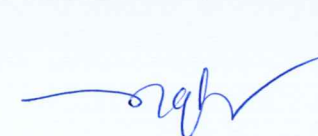


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	22.1	57.896.416.156	49.714.798.476
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	23	(73.423.876.612)	(81.692.852.031)
20	3. Lỗ gộp về cung cấp dịch vụ		(15.527.460.456)	(31.978.053.555)
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	937.064.575	347.533.852
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(2.291.874.664) (2.291.874.664)	(3.965.882.761) (3.965.665.615)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(2.201.976.321)	(2.947.242.136)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(15.550.666.246)	(15.116.433.459)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(34.634.913.112)	(53.660.078.059)
31	9. Thu nhập khác	28	167.601.976	79.004.634.358
32	10. Chi phí khác	28	(3.020.498.358)	(331.632.109)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	28	(2.852.896.382)	78.673.002.249
50	12. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(37.487.809.494)	25.012.924.190
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(1.263.000.000)	(5.786.283.271)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	728.608.018
60	15. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(38.750.809.494)	19.955.248.937
70	16. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	(1.848)	952
71	17. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	(1.848)	952

  
Phạm Thanh Huyền  
Người lập

  
Nguyễn Bửu Thanh Loan  
Kế toán trưởng

  
  
Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>(37.487.809.494)</b>	<b>25.012.924.190</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9,10,11	10.500.205.362	11.349.609.774
03	Các khoản dự phòng		2.249.058.399	734.907.127
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(818.273.193)	(24.889.690)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(107.235.180)	(79.066.407.897)
06	Chi phí lãi vay	24	2.291.874.664	3.965.665.615
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(23.372.179.442)</b>	<b>(38.028.190.881)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		25.544.863.910	11.061.224.922
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(5.789.861.317)	12.948.101.292
11	Giảm các khoản phải trả		(3.869.234.214)	(10.076.221.927)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(6.213.596.028)	6.313.932.359
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.345.938.059)	(3.225.837.731)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(21.861.092.387)	(2.384.904.683)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.200.000)	(57.156.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(36.933.237.537)</b>	<b>(23.449.052.649)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(32.585.545)	(1.581.356.945)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		17.130.400.000	108.019.484.340
27	Tiền thu lãi tiền gửi		115.378.131	299.370.728
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>17.213.192.586</b>	<b>106.737.498.123</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	20	45.261.636.019	34.270.017.553
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(22.599.534.110)	(113.944.894.631)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	20	(5.119.640.000)	(5.119.640.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>17.542.461.909</b>	<b>(84.794.517.078)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(2.177.583.042)</b>	<b>(1.506.071.604)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>11.949.613.048</b>	<b>18.933.600.233</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(265.628)
<b>70</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>9.772.030.006</b>	<b>17.427.263.001</b>

  
Phạm Thanh Huyền  
Người lập

  
Nguyễn Bửu Thanh Loan  
Kế toán trưởng

  
  
Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải (“BGTVT”) ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“SGDCK HN”) với mã VTX theo Quyết định số 189/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 11 tháng 4 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B, Đường Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các Chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 126 (31 tháng 12 năm 2023: 133).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |  |
|--|---|--|
| Nguyên liệu, nhiên liệu và công cụ dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.   |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang       | - | chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất áp dụng trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được hao mòn theo thời hạn của quyền sử dụng đất, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được hao mòn.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	4 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng, lắp đặt và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được ghi nhận như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh Dịch vụ Quảng Ngãi vào ngày 6 tháng 4 năm 2010 trong thời hạn 45 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư

*Đầu tư vào các công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.14 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Phân phối lợi nhuận (tiếp theo)**

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ khi Hội đồng Quản trị quyết định chi trả, sau khi đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.17 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải và hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, Công ty không phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	9.474.473	12.351.000
Tiền gửi ngân hàng	1.762.555.533	3.937.262.048
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	8.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.772.030.006</b>	<b>11.949.613.048</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với kỳ hạn gốc ba (3) tháng và hưởng lãi suất 2,8%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu cho bên khác	78.272.032.312	92.835.224.470
<i>Penavico &amp; CL (Hong Kong) Co., Limited</i>	16.652.155.479	15.878.664.077
<i>Khác</i>	61.619.876.833	76.956.560.393
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	340.516.891	249.605.626
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.612.549.203</b>	<b>93.084.830.096</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(40.224.641.354)	(38.090.874.785)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>38.387.907.849</b>	<b>54.993.955.311</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	38.090.874.785	28.817.630.525
Dự phòng trích lập trong kỳ	3.400.766.569	245.973.300
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.267.000.000)	(50.000.000)
Số cuối kỳ	40.224.641.354	29.013.603.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát Vũng Tàu	835.500.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình	814.800.000	-
Tổng công ty Ba Son – Công ty TNHH Một Thành Viên	749.088.000	-
Khác	2.163.867.561	2.913.954.898
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.563.255.561</b>	<b>2.913.954.898</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(915.198.483)	(924.051.183)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>3.648.057.078</b>	<b>1.989.903.715</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn của khách hàng:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	924.051.183	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	589.008.700
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(8.852.700)	-
Số cuối kỳ	915.198.483	589.008.700

**7. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.627.033.758</b>	<b>14.552.131.771</b>
Chi hộ khách hàng	5.861.356.169	5.597.225.237
Ký quỹ, ký cược	3.454.552.904	3.573.992.904
Thuế GTGT từ hợp đồng thuê tài chính	1.668.545.455	-
Tạm ứng nhân viên	1.573.976.828	5.304.168.277
Khác	68.602.402	76.745.353
<b>Dài hạn</b>	<b>3.522.111.718</b>	<b>2.552.311.718</b>
Ký quỹ, ký cược	3.522.111.718	2.552.311.718
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.149.145.476</b>	<b>17.104.443.489</b>
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(5.257.430.384)	(5.133.285.854)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>10.891.715.092</b>	<b>11.971.157.635</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	305.053.920	305.858.258
<i>Bên khác</i>	15.844.091.556	16.798.585.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC** (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khác ngắn hạn như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	5.133.285.854	4.327.288.427
Dự phòng trích lập trong kỳ	124.144.530	175.761.050
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(82.796.733)
Số cuối kỳ	<u>5.257.430.384</u>	<u>4.420.252.744</u>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.155.156.331	32.696.565.373
Nhiên liệu, vật liệu	14.401.068.814	14.069.798.455
Công cụ, dụng cụ	130.564.000	130.564.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>52.686.789.145</u></b>	<b><u>46.896.927.828</u></b>

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	19.102.779.946	49.059.975.357	451.557.017.402	770.680.000	520.490.452.705
Thanh lý	-	-	(34.367.200.000)	-	(34.367.200.000)
Xóa sổ	-	-	-	(32.000.000)	(32.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	19.102.779.946	49.059.975.357	417.189.817.402	738.680.000	486.091.252.705
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	12.595.495.413	32.782.170.851	331.798.719.258	738.680.000	377.915.065.522
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(17.167.805.948)	(39.117.058.682)	(376.238.824.495)	(757.427.822)	(433.281.116.947)
Khấu hao trong kỳ	(260.315.581)	(1.097.563.452)	(5.952.808.113)	(13.252.178)	(7.323.939.324)
Thanh lý	-	-	6.046.081.485	-	6.046.081.485
Xóa sổ	-	-	-	32.000.000	32.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(17.428.121.529)	(40.214.622.134)	(376.145.551.123)	(738.680.000)	(434.526.974.786)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.934.973.998	9.942.916.675	75.318.192.907	13.252.178	87.209.335.758
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.674.658.417	8.845.353.223	41.044.266.279	-	51.564.277.919

Công ty đã sử dụng phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 25.209.238.437 VND làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

VND

Máy móc và thiết bị

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	77.859.191.181
Thuê mới	<u>16.685.454.545</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>94.544.645.726</u>

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(13.409.082.922)
Khấu hao trong kỳ	<u>(2.970.260.406)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>(16.379.343.328)</u>

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>64.450.108.259</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>78.165.302.398</u>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

VND

Phần mềm  
máy tính

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>3.766.607.975</u>
Trong đó: Đã hao mòn hết	1.706.551.725

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(2.287.620.186)
Hao mòn trong kỳ	<u>(206.005.632)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>(2.493.625.818)</u>

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>1.478.987.789</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>1.272.982.157</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí cải tạo, nâng cấp kho bãi	8.436.558.272	6.705.700.000
Chi phí sửa chữa	-	420.600.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.436.558.272</u></b>	<b><u>7.126.300.000</u></b>

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

***Đầu tư vào công ty liên doanh***

Tên công ty liên doanh	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND
Công ty TNHH Liên doanh BNX- Vietranstimex (i)	Vận tải	51	<u>816.000.000</u>	51	<u>816.000.000</u>

(i) Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex ("BNX-Vietranstimex") đã ngừng hoạt động theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011-001 ngày 4 tháng 4 năm 2011. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, BNX-Vietranstimex đang tiến hành các thủ tục nhằm giải thể.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.773.076.695</b>	<b>3.080.398.922</b>
Chi phí thuê đất	982.538.686	-
Chi phí bảo hiểm	519.784.039	17.809.036
Chi phí công cụ, dụng cụ	432.319.729	950.408.634
Chi phí sửa chữa	420.949.844	1.450.183.365
Chi phí khác	417.484.397	661.997.887
	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>21.113.904.256</b>	<b>14.592.986.001</b>
Chi phí trả trước thuê tài sản tài chính	11.374.188.376	-
Chi phí sửa chữa tài sản	4.976.794.334	8.965.781.146
Công cụ, dụng cụ	2.586.634.702	3.401.654.320
Chi phí thuê đất	2.116.541.587	2.151.238.993
Khác	59.745.257	74.311.542
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.886.980.951</u></b>	<b><u>17.673.384.923</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả cho bên khác	21.962.675.327	29.176.687.747
<i>Công ty Cổ phần Công Trình Quốc Tế Taupo</i>	5.452.800.000	5.452.800.000
<i>Công ty Cổ phần Vận tải TNI</i>	1.840.320.000	3.108.520.000
<i>Khác</i>	14.669.555.327	20.615.367.747
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	5.492.074.386	2.498.952.165
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.454.749.713</u></b>	<b><u>31.675.639.912</u></b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	8.976.647.998	-
Khác	1.981.925.664	1.486.302.864
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.958.573.662</u></b>	<b><u>1.486.302.864</u></b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thuế giá trị gia tăng	4.206.014.412	25.034.249.566	(31.109.120.469)	(1.868.856.491)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.598.092.387	1.263.000.000	(21.861.092.387)	-
Thuế thu nhập cá nhân	80.269.766	774.894.254	(823.214.358)	31.949.662
Thuế xuất nhập khẩu	-	25.115.289	(25.115.289)	-
Thuế khác	2.414.270.268	1.633.519.627	(3.065.629.515)	982.160.380
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.298.646.833</u></b>	<b><u>28.730.778.736</u></b>	<b><u>(56.884.172.018)</u></b>	<b><u>(854.746.449)</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	-	5.230.213.317	(3.361.356.826)	1.868.856.491
<i>Phải trả</i>	27.298.646.833	33.960.992.053	(60.245.528.844)	1.014.110.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí thuê phụ	3.218.650.021	4.935.291.995
Chi phí thưởng nhân viên	1.564.204.438	411.828.916
Khác	183.868.724	296.938.707
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.966.723.183</b>	<b>5.644.059.618</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	-	17.432.877
<i>Phải trả bên khác</i>	4.966.723.183	5.626.626.741

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.159.569.890</b>	<b>2.666.754.783</b>
Chi phí lãi vay	1.009.042.192	-
Kinh phí công đoàn	868.688.401	398.850.286
Cổ tức phải trả	577.968.776	573.468.776
Nhận ký cược, ký quỹ	200.000.000	200.000.000
Khác	1.503.870.521	1.494.435.721
<b>Dài hạn</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>
Nhận ký cược, ký quỹ	400.000.000	400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.559.569.890</b>	<b>3.066.754.783</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	1.825.042.192	816.500.000
<i>Phải trả bên khác</i>	2.734.527.698	2.250.254.783

## Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>26.211.519.370</b>	<b>45.261.636.019</b>	<b>(27.719.174.110)</b>	<b>11.632.545.264</b>	<b>55.386.526.543</b>
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 20.1)	5.000.000.000	33.500.000.000	(3.500.000.000)	-	35.000.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	5.288.028.850	11.761.636.019	(16.257.428.850)	-	792.236.019
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.4)	10.239.280.000	-	(5.119.640.000)	8.790.440.000	13.910.080.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	5.684.210.520	-	(2.842.105.260)	2.842.105.264	5.684.210.524
<b>Dài hạn</b>	<b>16.488.061.049</b>	<b>18.354.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(11.632.545.264)</b>	<b>23.209.515.785</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.3)	11.368.421.049	-	-	(2.842.105.264)	8.526.315.785
Nợ thuế tài chính dài hạn (Thuyết minh số 20.4)	5.119.640.000	18.354.000.000	-	(8.790.440.000)	14.683.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.699.580.419</b>	<b>63.615.636.019</b>	<b>(27.719.174.110)</b>	<b>-</b>	<b>78.596.042.328</b>

#### 20.1 Vay bên liên quan

Đây là khoản vay để bổ sung nguồn vốn lưu động từ các công ty cùng tập đoàn của Công ty (Thuyết minh số 30), chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc và trả lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Tổng công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	25.000.000.000	Ngày 10 tháng 1 năm 2025	6,38	Tin chấp
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	10.000.000.000	Ngày 11 tháng 7 năm 2024	6,38	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.000.000.000</b>			

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 20.2 Vay ngân hàng ngắn hạn

Đây là khoản vay ngân hàng để bổ sung nguồn vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND	Kỳ hạn trả gốc và trả lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	792.236.019		Ngày 22 tháng 11 năm 2024	5,66	Tiền gửi tiết kiệm của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam, công ty mẹ, với giá trị 20.000.000.000 VND (Thuyết minh số 30)

### 20.3 Vay ngân hàng dài hạn

Đây là khoản vay ngân hàng để bổ sung nguồn vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND	Kỳ hạn trả gốc và trả lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	14.210.526.309		Từ ngày 26 tháng 7 năm 2024 đến ngày 28 tháng 12 năm 2026	6,54 – 6,76	Phương tiện vận tải (Thuyết minh số 9) Chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam, công ty mẹ, với hạn mức 27.000.000.000 VND (Thuyết minh số 30)

Trong đó:

Dài hạn đến hạn trả	5.684.210.524
Dài hạn	8.526.315.785

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.4 Nợ thuế tài chính

Công ty hiện đang thuế máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính ký với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Á Châu. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả</b>						
Đến 1 năm	15.699.348.844	1.789.268.844	13.910.080.000	11.127.299.091	888.019.091	10.239.280.000
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
Trên 1 đến 5 năm	17.494.182.985	2.810.982.985	14.683.200.000	5.182.127.661	62.487.661	5.119.640.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.193.531.829</b>	<b>4.600.251.829</b>	<b>28.593.280.000</b>	<b>16.309.426.752</b>	<b>950.506.752</b>	<b>15.358.920.000</b>

VND

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 21.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quy đầu tư phát triển	(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	37.470.778.134	267.803.653.982
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	19.955.248.937	19.955.248.937
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(76.528.111)	(76.528.111)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	57.349.498.960	287.682.374.808
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	(40.653.468.568)	189.679.407.280
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(38.750.809.494)	(38.750.809.494)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	(79.404.278.062)	150.928.597.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Cổ phiếu**

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	20.972.321	20.972.321
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	20.972.321	20.972.321

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	49.310.413.986	47.497.743.118
Doanh thu cho thuê	8.586.002.170	2.217.055.358
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>57.896.416.156</u></b>	<b><u>49.714.798.476</u></b>

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá	829.829.395	24.908.329
Lãi tiền gửi	107.235.180	322.625.523
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>937.064.575</u></b>	<b><u>347.533.852</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Giá vốn của dịch vụ vận tải	68.531.710.805	80.380.599.527
Giá vốn cho thuê	4.892.165.807	1.312.252.504
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>73.423.876.612</u></b>	<b><u>81.692.852.031</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi tiền vay	2.291.874.664	3.965.665.615
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	217.146
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.291.874.664</u></b>	<b><u>3.965.882.761</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân viên	2.201.976.321	2.947.242.136

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân viên	8.643.936.593	9.402.191.281
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.037.446.054	3.857.303.743
Dự phòng phải thu khó đòi	2.249.058.399	877.946.317
Chi phí khấu hao và hao mòn	219.257.810	376.815.824
Khác	400.967.390	602.176.294
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.550.666.246</u></b>	<b><u>15.116.433.459</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ	51.253.607.523	57.486.562.358
Chi phí nhân viên	19.376.084.960	21.428.380.364
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9, 10 và 11)	10.500.205.362	11.349.609.774
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	7.642.340.481	5.774.889.230
Chi phí khác	2.404.280.853	3.717.085.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>91.176.519.179</u></b>	<b><u>99.756.527.626</u></b>

**28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>167.601.976</b>	<b>79.004.634.358</b>
Thu nhập khác	167.601.976	260.851.984
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	78.743.782.374
<b>Chi phí khác</b>	<b>3.020.498.358</b>	<b>331.632.109</b>
Chi phí nộp phạt	3.020.259.931	264.000.000
Chi phí khác	238.427	67.632.109
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>(2.852.896.382)</u></b>	<b><u>78.673.002.249</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% thu nhập tính thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN	-	5.786.283.271
Thuế TNDN trích bổ sung cho những năm trước	1.263.000.000	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.263.000.000	5.786.283.271
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	(728.608.018)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.263.000.000</u></b>	<b><u>5.057.675.253</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(37.487.809.494)</b>	<b>25.012.924.190</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(7.497.561.899)	5.002.584.838
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	977.826.452	60.205.904
Chênh lệch tỷ giá đánh giá ngoại tệ	(164.120.262)	(5.115.489)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP (*)	436.927.897	-
Thuế TNDN trích bổ sung cho những năm trước	1.263.000.000	-
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	6.246.927.812	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>1.263.000.000</b>	<b>5.057.675.253</b>

(\*) Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh tăng chi phí TNDN trong kỳ hiện hành với tổng giá trị là 436.927.897 VND.

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. (Lỗ thuế) thu nhập chịu thuế của Công ty khác với (lỗ) lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì (lỗ thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**29.3 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế với tổng giá trị là 113.840.395.589 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 82.605.756.530 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024
2023	2028	82.605.756.530	-	-	82.605.756.530
2024	2029	31.234.639.059	-	-	31.234.639.059
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>113.840.395.589</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>113.840.395.589</b>

(\*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho các năm tài chính chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định**

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau :

VND

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ trừ thuế phát sinh (*)	Chi phí lãi vay	Chi phí lãi vay	Chi phí lãi vay
			chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/06/2024	chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/06/2024	chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/06/2024
2022	2027	2.209.410.123	-	-	2.209.410.123
2023	2028	5.194.801.337	-	-	5.194.801.337
2024	2029	2.184.639.484	-	-	2.184.639.484
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>9.588.850.944</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.588.850.944</b>

(\*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**29.5 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

VND

Số tiền

Lỗ thuế chuyển sang năm sau (Thuyết minh số 29.3)	113.840.395.589
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định (Thuyết minh số 29.4)	9.588.850.944
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>123.429.246.533</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ
Tổng công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Cảng Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp Vận Số 1	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ITL Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ông Đặng Doãn Kiên	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Trần Thị Cẩm Tú	Thư ký Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đinh Thị Phương Vy	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đăng Trường	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc
Ông Dương Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan:*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (*)	Phí thuê văn phòng	587.456.880	589.245.168
	Chi hộ	158.240.258	637.280.865
	Sử dụng dịch vụ	24.127.158	-
	Trả gốc vay	-	65.000.000.000
	Đi vay	-	15.000.000.000
	Chi phí lãi vay	-	1.124.738.740
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Đi vay	8.500.000.000	-
	Trả gốc vay	3.500.000.000	-
	Sử dụng dịch vụ	1.146.707.652	902.070.872
	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	419.500.000	108.000.000
	Chi phí lãi vay	239.992.878	-
	Cho thuê kho	47.250.000	47.250.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Đi vay	25.000.000.000	-
	Chi phí lãi vay	751.616.437	-
	Thuê bãi	150.000.000	200.000.000
	Sử dụng dịch vụ	6.675.925	131.656.945
Công ty Cổ Phần Cảng Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	1.662.169.704	1.385.141.420
Công ty Cổ phần ITL Logistics	Sử dụng dịch vụ	437.278.593	-
	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	25.151.342	-
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Sử dụng dịch vụ	-	72.933.668
	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	1.487.273.275
Ông Nguyễn Hoàng Long	Chi phí công tác	-	220.000.000
	Tạm ứng	-	32.000.000

(\*) Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam đã phát hành hai (2) chứng thư bảo lãnh ngân hàng với hạn mức là 27.000.000.000 VND và 56.000.000.000 VND trong năm 2022 và thế chấp khoản tiền gửi tiết kiệm với giá trị là 20.000.000.000 VND trong năm 2024 để hỗ trợ vốn lưu động của Công ty và vẫn còn hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ báo cáo giữa niên độ này.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</b>			
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	338.800.000	-
Công ty Cổ phần ITL Logistics	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.716.891	-
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	249.605.626
		<b>340.516.891</b>	<b>249.605.626</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</b>			
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Đặt cọc	277.028.284	277.028.284
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	28.025.636	23.829.874
Ông Nguyễn Hoàng Long	Tạm ứng	-	5.000.100
		<b>305.053.920</b>	<b>305.858.258</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</b>			
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Thuê xe	2.692.714.923	897.571.641
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Sử dụng dịch vụ	1.418.998.280	744.373.418
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Thuê văn phòng	995.361.183	323.101.284
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	385.000.000	220.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Sử dụng dịch vụ	-	313.905.822
		<b>5.492.074.386</b>	<b>2.498.952.165</b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</b>			
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	-	17.432.877
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)</b>			
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex	Phải trả khác	816.000.000	816.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Chi phí lãi vay	751.616.437	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Chi phí lãi vay	257.425.755	-
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Chi trả hộ	-	500.000
		<b>1.825.042.192</b>	<b>816.500.000</b>
<b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 20)</b>			
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Vay	25.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Vay	10.000.000.000	5.000.000.000
		<b>35.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>VND</b>			
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Đặng Doãn Kiên	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2024)	30.000.000	60.000.000
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2024)	45.000.000	90.000.000
Ông Bùi Quang Liên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2024)	30.000.000	60.000.000
Bà Trần Thị Cẩm Tú	Thư ký HĐQT	30.000.000	30.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>			
Ông Nguyễn Mai Khánh Trình	Trưởng BKS	24.000.000	3.636.364
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2023)	-	30.000.000
Bà Đinh Thị Phương Vy	Thành viên	15.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Đăng Trường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2024)	24.000.000	-
<b>Tổng Giám đốc</b>			
Ông Bùi Quang Liên	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2024)	450.790.435	737.630.000
Ông Dương Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024)	461.440.001	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.110.230.436</b>	<b>1.041.266.364</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính (lỗ) lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>(38.750.809.494)</u>	<u>19.955.248.937</u>
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(38.750.809.494)	19.955.248.937
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	20.972.321	20.972.321
(Lỗ) lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.848)	952
(Lỗ) lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.848)	952

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Công ty là bên đi thuê**

Công ty hiện đang thuê văn phòng, phương tiện vận tải và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Đến 1 năm	1.675.220.760	1.704.513.880
Từ 2 đến 5 năm	2.248.228.000	2.248.228.000
Trên 5 năm	<u>6.416.817.417</u>	<u>6.697.845.917</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.340.266.177</u></b>	<b><u>10.650.587.797</u></b>

**Công ty là bên cho thuê**

Công ty hiện đang cho thuê máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Đến 1 năm	2.541.818.182	2.396.363.636
Từ 2 đến 5 năm	<u>1.454.545.455</u>	<u>2.545.454.545</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.996.363.637</u></b>	<b><u>4.941.818.181</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngoại tệ:		
- USD	_____	_____ 12.523,59

**34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Phạm Thanh Huyền  
Người lập



Nguyễn Bửu Thanh Loan  
Kế toán trưởng




Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

